

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/03/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		GTCl+BK16	7:25	14+8	0+0		10+12	0+0	
2		CLO+BK14	7:25	21+1	0+0		16+6	0+0	
3		TD5+TD1	7:25	4+18	0+0		1+21	0+0	
4		TD3+CTK3	9:25	11+11	0+0		4+18	0+0	
5		AMD+TD2	9:25	12+10	0+0		11+11	0+0	
6		CTK3+BK16+TD5	9:25	6+1+14	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
7		TD3+TD2	11:45	13+9	0+0		8+12	0+0	
8		CTK3+BK14+GTCl	11:45	15+0+6	0+0+0		10+2+10	0+0+0	chuyen 2 bk14- gtcl
9		PPD+RC5+RC6	11:45	21+0+0	0+0+0		21+0+0	0+0+0	chuyen 1 rc5- rc6

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
I/Đi vé trong ngày CTK3-Ing, BK16-4ng, GTCl-4ng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: GTC1 - BK16	CREW: NAM - HTRUNG - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1287	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VU VAN TOAN	GTC1	92	1	3			73	D-HANH	Vietnamese
2	HOANG XUAN HIEU	GTC1	97	1	5	1	19	66	KH-THAC	Vietnamese
3	KRAPIVKA VADIM	GTC1	01	1	2			92	KH-THAC	Russian
4	LE DUY AN	GTC1	93	1	14	1	19	120	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYEN HUU VIET	GTC1	90	1	10			69	ANTOAN	Vietnamese
6	TRAN DAC LIEM	GTC1	91	1	13			87	ANTOAN	Vietnamese
7	LE MANH HUNG	GTC1						72	ANTOAN	Vietnamese
8	NGUYEN HUU TAN	GTC1	95	1	6	3	55	73	KH-THAC	Vietnamese
9	DANG TRAN KHANH	GTC1	98	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH LUAN	GTC1	99	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DINH TUAN	GTC1	02	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
12	MIRSAYAPOV R.R.	GTC1	3000	1	3			106	KH-THAC	Russian
13	LUU VAN SON	BK16	58	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN CONG HOANG	BK16	64	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN NGOC QUYET	BK16	63	1	2			72	NIPI	Vietnamese
16	LAM THI HUONG	BK16				1	20	65	NIPI	Vietnamese
17	HO QUANG HIEP	BK16	57	1	3			68	DK9	Vietnamese
18	NGUYEN VAN LIEU	BK16	59	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VIET TIEN	BK16	61-62	2	10			69	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM VAN HA	BK16	60	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	GTC1	12	968	11	71	5	93	10		
2	BK16	8	553	8	32	1	20	12		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.521</b>	<b>19</b>	<b>103</b>	<b>6</b>	<b>113</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.521</b>		<b>103</b>		<b>113</b>			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

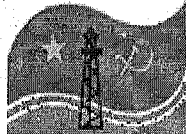
CREW

TRẦN HỒNG NAM

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: CLO - BK14	CREW: HUNG - N.ANH - TU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1291	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN HOANG TRUONG	CLO	33	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG TUAN	CLO	25	1	7			67	KHOAN	Vietnamese
3	LE MINH HIEP	CLO	37	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN CONG BANG	CLO	36	1	6			81	KHOAN	Vietnamese
5	TRUONG DUC THANG	CLO	32	1	9			62	KHOAN	Vietnamese
6	TO ANH TUAN	CLO	28	1	8			76	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN LUC	CLO	30-31	2	10			60	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG TRUNG THONG	CLO	45	1	3			82	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VAN QUYEN	CLO	29	1	9			68	YTE	Vietnamese
10	LE VIET HUNG	CLO	80-81	2	17			67	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM DINH THU	CLO	44	1	8			69	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN THANH	CLO	35	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
13	LE HUY TUYEN	CLO	34	1	7			57	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN DANG KHOA	CLO	38	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
15	LUU BA XO	CLO	26-27	2	17	2	4	81	DVL	Vietnamese
16	HA VAN TRUONG	CLO	42	1	12			59	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN CUONG	CLO	43	1	6			50	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN DANG	CLO	41	1	20			55	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN TIEN DUNG	CLO	39-40	2	20			49	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN KHAC MANH	CLO	46	1	4			67	PSV	Vietnamese
21	PHAM THANH TAI	BK14	72-73	2	17	2	25	86	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	20	1.329	24	187	2	4	15		
2	BK14	1	86	2	17	2	25	7		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.415</b>	<b>26</b>	<b>204</b>	<b>4</b>	<b>29</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.415</b>		<b>204</b>		<b>29</b>			

GRAND TOAL: 1.648 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

LE QUY HUNG  
NGHIEM VIET ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: TD5 - TD1	CREW: QVIỆT - CHIẾN - HIẾU	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1294	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TU DUONG DUNG	TD5	72	1	6	1	20	71	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG NGOC DANH	TD5	73-74	2	8			71	KHOAN	Vietnamese
3	HO VAN TIEN	TD5	70	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
4	HO NGOC LIEM	TD5	71	1	7			63	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN NGOC THAI	TD1	96	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TUAN DAT	TD1	86	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THIEN TUAN	TD1	87	1	3			67	KHOAN	Vietnamese
8	LAI DUC LAM	TD1	02	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM XUAN HUY	TD1	90	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DINH NAM	TD1	200,01	2	6	3	60	81	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN DUNG	TD1	03	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
12	DOAN TUAN TU	TD1	93	1	3			74	KHOAN	Vietnamese
13	VU DINH PHONG	TD1	89	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN PHI HUNG	TD1	85	1	3			86	KHOAN	Vietnamese
15	VU QUY VINH	TD1	94	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
16	LE VIET THANH	TD1	95	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN VAN TAI	TD1	91-92	2	9			65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TUYEN	TD1	99	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN QUANG	TD1	88	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN LINH	TD1	97-98	2	20			62	DVL	Vietnamese
21	LE HOANG SON	TD1	84	1	18			77	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	4	270	5	26	1	20	1		
2	TD1	17	1.243	20	110	3	60	21		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.513</b>	<b>25</b>	<b>136</b>	<b>4</b>	<b>80</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.513</b>		<b>136</b>		<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.729 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI NGOC HA

CREW

NGUYEN QUANG VIET

DO VAN CHIEN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: TD3 - CTK3	CREW: NAM - HTRUNG - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/1288	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	74	1	6	3	45	75	KHOAN	Vietnamese
2	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3	80	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẠO LÊ XUÂN SƠN	TD3	76	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG BĂNG	TD3	75	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
5	VƯƠNG HỮU QUỐC THAI	TD3	78	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	TD3	81-82	2	12			77	ANTOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN SƠN	TD3	83	1	15			71	YTE	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	73	1	5			82	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG THANH TU	TD3						85	KHOAN	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN MƯỜI	TD3	77	1	11			63	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN MẠNH	TD3	79	1	11			62	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM MINH TUẤN	CTK3	63	1	5	2	40	76	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM THANH HAI (10749)	CTK3	65	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC HIỆU	CTK3	59	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	57	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH TUẤN	CTK3	64	1	4			85	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH VĂN THÔNG	CTK3	66-67	2	13			72	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ TIẾN NGỌC	CTK3	58	1	4			80	DK9	Vietnamese
19	PHẠM NAM HAI	CTK3	62	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN KIM HÀ	CTK3	68-69	2	13			62	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	60-61	2	14			69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN BA DUY	CTK3	72	1	10	1	20	66	XAY LAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	11	804	11	81	3	45	4		
2	CTK3	11	805	14	84	3	60	18		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.609</b>	<b>25</b>	<b>165</b>	<b>6</b>	<b>105</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.609</b>		<b>165</b>		<b>105</b>			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: TRANG-2	TO:AMD - TD2	CREW: HUNG - N.ANH - TÚ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/1292	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRAN NAM TRUNG	AMD	03	1	6			74	HLJOC	Vietnamese
2	VŨ HỮU QUYẾT	AMD	11-12	2	15			70	ABS	Vietnamese
3	NGUYỄN NAM TRUNG	AMD	04	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG DUY	AMD	08-09	2	12			71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN THỊN	AMD	06-07	2	8			70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VŨ THUẬT	AMD	10	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
7	TANG VĂN BA	AMD	05	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN QUY	AMD	20-21	2	9			81	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG PHÁT	AMD	13-14	2	14			77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	AMD	01-02	2	12			72	KH-THAC	Vietnamese
11	CHU TAT THANG	AMD	18-19	2	13			68	PHATECO	Vietnamese
12	HA VĂN HUNG	AMD	15-17	3	19			63	PHATECO	Vietnamese
13	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	90	1	4			58	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ THẬP TOÀN	TD2						69	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG XUÂN KIEN	TD2	92	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN KHÁC HÀ TRUNG	TD2	94	1	3			74	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ HAI SƠN	TD2	04	1	4			83	KHOAN	Vietnamese
18	BUI NGOC DUNG	TD2	06	1	7			80	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HUNG	TD2	93	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ PHU	TD2	05	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD2	91	1	6			74	ANTOAN	Vietnamese
22	NOROV DENIS	TD2	89	1	16			82	KHOAN	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	12	858	21	125	0	0	11		
2	TD2	10	719	9	56	0	0	11		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.577</b>	<b>30</b>	<b>181</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.577</b>		<b>181</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
NGHIÊM VIỆT ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO:CTK3 - BK16 - TD5	CREW: QVIỆT - CHIẾN - HIẾU	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/1295	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAM CONG UOC	CTK3	81	1	4	1	6	72	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔ TRỌNG TUÂN	CTK3	84-85	2	9			83	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔNG TIẾN QUANG	CTK3	82-83	2	7			71	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN PHÚC THẾ ANH	CTK3	87	1	9			56	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI THANH HOẠT	CTK3	86	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HỮU THIÊN	CTK3	88	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG MAN	CTK3	79	1	4			55	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐÌNH CHIẾN	BK16	86	1	3			74	PSV	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN THUY	TD5	82	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN ĐỨC BÌNH	TD5	86	1	4			82	KHOAN	Vietnamese
11	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5	87-88	2	4			72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	77	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM LÊ TUẤN LIÊM	TD5	93	1	10			66	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN HUU HOAN	TD5	83	1	5			83	KHOAN	Vietnamese
15	LUƠNG NGỌC KHUÔNG	TD5	89-90	2	14			78	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN SY LE	TD5	92	1	5			56	KHOAN	Vietnamese
17	DINESH DAVID PILLAI	TD5	76	1	15			94	BAKER HUGO	Indian
18	VŨ THANH ĐẠT	TD5	78-79	2	14			71	CODIEN	Vietnamese
19	NGÔ KIM LÂM	TD5	84	1	14			70	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN TOAN THANG	TD5	80	1	12	1	16	76	CODIEN	Vietnamese
21	CHU TUÂN ANH	TD5	91	1	13			61	CODIEN	Vietnamese
22	VŨ THANH BÌNH	TD5	85	1	13			64	CODIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	7	474	9	49	1	6	0		
2	BK16	1	74	1	3	0	0	4		
3	TD5	14	1.015	17	131	1	16	18		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.563</b>	<b>27</b>	<b>183</b>	<b>2</b>	<b>22</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.563</b>		<b>183</b>		<b>22</b>			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

ĐỖ VĂN CHIẾN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: TD3 - TD2	CREW: TUYỀN - NPHÚ - QTRƯỜNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/1289	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM THANH TUNG	TD3	20	1	17			93	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ VĂN THIÊN	TD3	18	1	14			63	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG CÔNG QUANG	TD3	19	1	13			104	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TAI	TD3	16	1	10			75	LONG VŨ	Vietnamese
5	HUYNH VĂN THĂNG	TD3	17	1	7			72	LONG VŨ	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH PHONG	TD3	09	1	12			72	LONG VŨ	Vietnamese
7	HUYNH THANH TOAN	TD3	08	1	6			83	LONG VŨ	Vietnamese
8	CAO Y THUẬN	TD3	07	1	9			76	LONG VŨ	Vietnamese
9	NGUYỄN HOANG PHÚC	TD3	12	1	9			60	LONG VŨ	Vietnamese
10	CAO TẤN LỰC	TD3	10-11	2	10			58	LONG VŨ	Vietnamese
11	NGUYỄN LÊ SƠN	TD3	15	1	5			65	LONG VŨ	Vietnamese
12	NGUYỄN TẤN ĐẠT	TD3	14	1	7			88	LONG VŨ	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH BÌNH	TD3	13	1	7			77	LONG VŨ	Vietnamese
14	LÊ TUẤN NGHĨA	TD2	10	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
15	ĐINH DUY HAI	TD2	14	1	9			74	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM LÊ NAM	TD2						75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC THANH	TD2	09	1	6			81	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN CHI ĐỨC	TD2	12	1	2			53	KHOAN	Vietnamese
19	ĐINH VĂN HUÂN	TD2	08	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN DUÂN	TD2	07	1	5			62	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT TUNG	TD2	13	1	8			68	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HIẾN	TD2	11	1	7			76	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	13	986	14	126	0	0	8		HANG VE TD3-100KG
2	TD2	9	639	8	50	0	0	12		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.625</b>	<b>22</b>	<b>176</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.625</b>		<b>176</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGUYỄN DUY TUYỀN

ĐÀO NGỌC PHÚ



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: TRANG-3	TO:CTK3 - BK14 - GTC1	CREW: HUNG - N.ANH - VU	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/1293	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LUONG HOANG ANH	CTK3	04	1	10			88	KH-THAC	Vietnamese
2	LE TRI NANG	CTK3	15	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI CONG THANG	CTK3	07	1	15			61	KH-THAC	Vietnamese
4	LE NGUYEN HOANG LONG	CTK3	13	1	11			90	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRONG HOI	CTK3	12	1	17			62	KH-THAC	Vietnamese
6	DINH DUC TRUNG	CTK3	11	1	10			91	KH-THAC	Vietnamese
7	VU MAU MEN	CTK3	14	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN ANH TUAN	CTK3	10	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN THANH QUANG	CTK3	06	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN SANG	CTK3	01-02	2	22			70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HUAN	CTK3	03	1	12			83	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN HUY HIEU	CTK3	09	1	10			59	PSV	Vietnamese
13	PHAN VAN TUAN	CTK3	08	1	5			75	PSV	Vietnamese
14	TRAN VAN HUNG	GTC1	78-79	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
15	CAO VAN MANH	GTC1	81-82	2	18			67	XAYLAP	Vietnamese
16	CHU HAI MINH	GTC1	85-86	2	18			62	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG KHANH	GTC1	76-77	2	22			66	XAYLAP	Vietnamese
18	LE XUAN KHOE	GTC1	83-84	2	17			67	XAYLAP	Vietnamese
19	LE QUANG HA	GTC1	89	1	7			79	PSV	Vietnamese
20	PHAM MINH DUC	GTC1	87-88	2	18			86	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN MANH VUONG	GTC1	80	1	12			76	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	13	971	14	144	0	0	11		
2	BK14	0	0	0	0	0	0	1+2		CHUYEN 2 PAX BK14 - GTC1
3	GTC1	8	567	14	132	0	0	10		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.538</b>	<b>28</b>	<b>276</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.538</b>		<b>276</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
NGHIÊM VIỆT ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:20
B.CARD: VANG-3	TO: PPD - RC5 - RC6	CREW: LINH - N.CUONG - DTUNG	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM26/1296	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN ĐỨC KHANG	PPD	52	1	7	3	60	76	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI NANG PHONG	PPD	51	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC DÙNG	PPD	65	1	3			103	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG NHẬT QUANG	PPD	62	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC HAI	PPD	61	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VĂN THĂNG	PPD	64	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
7	DOÀN THANH CÔNG	PPD	46-47	2	12			71	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	55	1	8			85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỜNG GIA TRI	PPD	49	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN NGỌC ĐỨC THĂNG	PPD	60	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN QUY	PPD	56-57	2	11			69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN KHÁC LAM	PPD	50	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN TÀN	PPD	66	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÀO VĂN HOÀN	PPD	53-54	2	20			67	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ HỒNG CƯỜNG	PPD						73	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯƠNG TUẤN HÙNG	PPD						71	KH-THAC	Vietnamese
17	K LY	PPD	67	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN KHÁC THẾ	PPD	59	1	9			58	KH-THAC	Vietnamese
19	PHI DUY HOÀN	PPD	48	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	58	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN MINH THUẬN	PPD	63	1	4			72	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	21	1.540	22	134	3	60	21		
2	RC5	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 1 PAX RC5-RC6	
3	RC6	0	0	0	0	2	35	0		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.540</b>	<b>22</b>	<b>134</b>	<b>5</b>	<b>95</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.540</b>		<b>134</b>		<b>95</b>			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH

PHAN NHƯ CƯỜNG

